

Số: *g2* /QĐ-CDGTVTTW V

Đà Nẵng, ngày *17* tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khoá tuyển sinh năm 2018
trình độ Cao đẳng-Đào tạo theo phương thức tích lũy MĐ hoặc tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-CDGTVTTW V ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Quy định thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-CDGTVTTW V ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Biên bản họp ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V, xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2018 trình độ Cao đẳng - Đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 15 sinh viên khóa tuyển sinh năm 2018 trình độ Cao đẳng - Đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ. Trong đó:

1. Ngành, nghề Công nghệ ô tô - 07 sinh viên

CD18CÔ2: 01 sinh viên

CD18CÔ6: 03 sinh viên (01 Khá)

CD18CÔ3: 01 sinh viên (01 Khá)

CD18CÔ10: 01 sinh viên

CD18CÔ4: 01 sinh viên (01 Khá)

2. Ngành, nghề CNKT Cơ khí-03 sinh viên

CD18CK1: 03 sinh viên (03 Khá)

3. Ngành, nghề Điện công nghiệp-03 sinh viên

CD18ĐC1: 03 sinh viên (02 Khá)

4. Ngành, nghề Chế tạo thiết bị cơ khí-01 sinh viên

CD18CT1: 01 sinh viên (01 Khá)

5. Ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng- 01 sinh viên

CD18XD1: 01 sinh viên (01 Khá)

(Có danh sách kèm theo)



Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trường phòng công tác HSSV, Trường các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Hy*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ LĐTB&XH (để báo cáo);
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT. *Hy*

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phs. Đoàn Việt Hùng

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2018 TỐT NGHIỆP THÁNG 01/2022

(Kèm theo Quyết định số: 92/QĐ-CDGTVTW V ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

I. NGÀNH, NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ (07 SINH VIÊN)

1. LỚP CD18CÔ2 - 01 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216217	Phạm Hồng Khỏe	23/9/1999	Nam	Gia Lai	78	Khá	79	79	2	2.32	Trung bình	

2. LỚP CD18CÔ3 - 01 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216330	Lư Văn Nhân	14/6/1999	Nam	Quảng Ngãi	72	Khá	79	79	4	2.53	Khá	

3. LỚP CD18CÔ4 - 01 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216422	Nguyễn Minh Huy	27/5/2000	Nam	Đắk Lắk	77	Khá	79	79	1	2.54	Khá	

4. LỚP CD18CÔ6 - 03 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216604	Cao Hữu Danh	12/7/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	79	79	7	2.22	Trung bình	
2	186510216612	Cao Đức Dũng	09/10/1999	Nam	Gia Lai	80	Tốt	79	79	2	2.69	Khá	
3	186510216663	Trần Tiến Đạt	26/6/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	79	79	2	2.22	Trung bình	

5. LỚP CD18CÔ10 - 01 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216763	Phạm Văn Vương	01/6/2000	Nam	Quảng Nam	74	Khá	79	79	5	2.22	Trung bình	

II. NGÀNH, NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ-LỚP CD18CK1 (03 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510201119	Phan Nguyễn Văn Khoa	01/9/2000	Nam	Đắk Lắk	82	Tốt	78	78	1	3.09	Khá	
2	186510201133	Phạm Minh Quốc	10/11/2000	Nam	Bình Định	86	Tốt	78	78	2	2.88	Khá	
3	186510201134	Rơ Chăm Sinh	25/7/2000	Nam	Gia Lai	76	Khá	78	78	3	2.80	Khá	

III. NGÀNH, NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP-LỚP CD18ĐC1 (03 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	185520223174	Nguyễn Trọng Hùng	01/5/1998	Nam	Đắk Lắk	73	Khá	65	65	0	2.64	Khá	
2	186520227129	Bùi Thanh Linh	01/5/2000	Nam	Quảng Trị	75	Khá	78	78	0	2.65	Khá	
3	186520227119	Nguyễn Hữu Sơn	04/9/2000	Nam	Quảng Nam	74	Khá	78	78	0	2.39	Trung bình	

IV. NGÀNH, NGHỀ CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ -LỚP CD18CT1 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		TBC TL	XLTN	Ghi chú
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy			
1	186520104121	Tô Minh Vũ	22/02/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	78	78	1	2.71	Khá

V. NGÀNH, NGHỀ CNKT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG-LỚP CD18XD1 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186580205135	Nguyễn Văn Lịch	04/8/2000	Nam	Quảng Trị	81	Tốt	80	80	3	2.75	Khá	

11
NVA